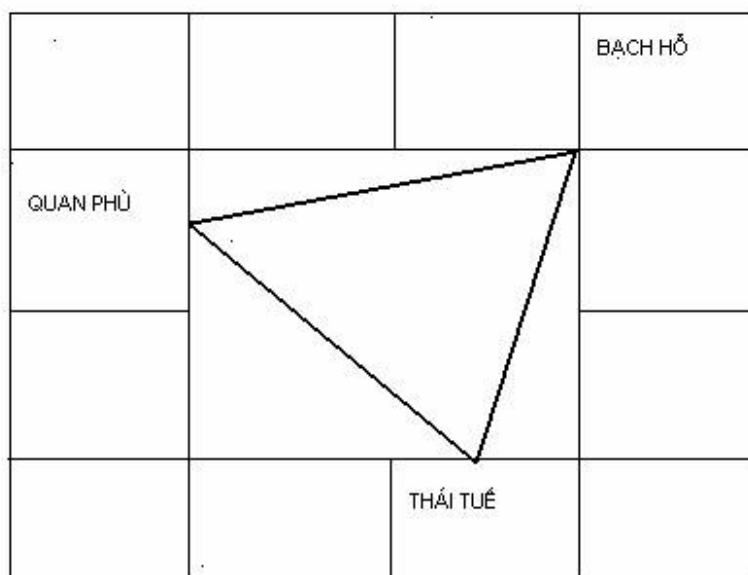


THIÊN LƯƠNG TỬ VI NGHIỆM LÝ

TOÁN THƯ



LỜI GIỚI THIỆU

Trong kho tàng văn hoá của nhân loại, chúng ta phải kể đến Kinh Dịch, một bộ sách cổ nhất của Trung Hoa do nhiều người viết, qua nhiều thời đại khác nhau và là căn bản thực nghiệm của tất cả tư tưởng triết học Trung Hoa và Á Đông ngày nay. Tử vi bói toán được thoát thai từ đó và bành trướng trong dân gian. Tiên khởi có tính cách huyền bí, định mệnh con người được cho rằng đã an bài ngay từ lúc chào đời, nên đã lấy thời điểm này để tiên đoán vị lai theo một số nguyên tắc đặt định, theo sự tốt xấu của các vì tinh tú hội chiếu... Dần dần về sau tử vi được san định và bớt đi tính cách huyền bí mê hoặc, tuy rằng những nguyên tắc và định lý vẫn xây dựng trên những dữ kiện trừu tượng, khó có

thể kiểm chứng để cho mọi người tha hồ muốn hiểu ra sao cũng được, các thầy tử vi bói toán muốn tiên đoán cách nào cũng được và tranh cãi liên tu bất tận

Trong chiếu hướng phá bỏ tính cách huyền bí mê hoặc của khoa tử vi, đưa khoa này vào chỗ thực dụng, về tính nhân bản con người, về đạo sống ở đời. Thiên Lương tiên sinh đã quan niệm như một đạo lý của thánh nhân xưa, một môn đạo đức của kẻ sĩ, tự biết mình biết người để dung hoà dễ dàng và thích nghi đời sống cá nhân với cộng đồng xã hội. Cụ đã hệ thống hóa khoa tử vi bằng kinh nghiệm và lý giải. Qua tờ Nguyệt San Khoa Học Huyền Bí, những khám phá của cụ lần lượt được phổ biến và gây sôi nổi trong giới tử vi của những năm 1972,1973 và đến mùa xuân năm 1974 quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý của cụ ra đời. Cụ đã phát kiến vòng Thái tuế với các yếu tố thiên thời, nhân hòa và địa lợi để nghiên cứu tính tình của con người. Cụ đã đưa khoa này thành một khoa tâm lý học. Cụ dự định sẽ cho phát hành quyển sách thứ hai tựa là Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư vào mùa xuân năm 1975 với nhiều khám phá mới lạ khác, nhưng vì thời cuộc thay đổi nên hoài bão của cụ không thành. Nay mười năm sau đó, và cũng là dịp giỗ đầu của cụ, quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư được ra đời do thứ nam của cụ là ông Lê Hồng Đức ở San Jose và ông Cam Vũ chủ nhiệm nghiên cứu thuộc Hội Nghiên Cứu Tử Vi Lý Số ở Westminster nỗ lực nối tiếp thực hiện

Tiểu Sử Cụ Thiên Lương

Cụ Thiên Lương có tên là Lê Quang Khải sinh ngày 12 - 07 - 1910 nhằm ngày 06 tháng 06 giờ Mão trong một gia đình nho giáo tại làng Phụng Lâu, tỉnh Hưng Yên, Bắc Việt. Thân phụ cụ lúc đó là một nhà địa lý có tiếng tại tỉnh nhà; anh ruột cụ cũng nổi danh về môn dịch lý vào thời kỳ 1950 - 1953 tại Sài Gòn dưới danh hiệu Đẩu Sơn

Năm 18 tuổi cụ hoạt động chống thực dân Pháp trong lực lượng Việt Nam Quốc Dân Đảng do cố liệt sĩ Nguyễn Thái Học lãnh đạo nhưng chẳng bao lâu tông tích bị bại lộ, cụ bị mật thám Pháp truy lùng nên cụ phải trốn vào Nam. Cụ đã lập gia đình và lập nghiệp tại xã Chánh Lưu tỉnh Thủ Dầu Một (nay là xã Chánh Hiệp tỉnh Sông Bé). Thời gian ở đây cụ có cả thảy 6 người con nhưng đã bỏ mất 3. Năm 1945 cửa hàng buôn bán của cụ đang hồi cực thịnh nhưng chỉ sau 5 phút tất cả chỉ còn lại đồng tro tàn lẫn trong đồng gạch vụn : đây là hậu quả của cuộc oanh kích của phi cơ Đồng Minh và quân đội Nhật Bản trú đóng cách đó không quá 1/2 cây số. Buồn vì gia sản tiêu tan nên cụ bà sau khi sinh người con út (9/45) đã bỏ cụ ở lại với 3 đứa con đại hưởng dương 34 tuổi. Cũng năm này cụ dẫn 3 đứa con thơ trở về quê nội lập lại sự nghiệp. Qua năm sau cụ lập gia đình lần thứ hai và từ đó có thêm 4 người con nhưng lại bỏ mất 1.

Ngày 16/8/1954 cụ và cả gia đình một lần nữa lại rời quê cha di cư vào Sài gòn lánh nạn Cộng Sản và làm việc tại Tổng Nha Ngân Sách và Ngoại Viện cho đến năm 1971 thì về hưu sống với con cháu cho đến ngày 17/9/1985 (nhằm ngày 22/8/Giáp Tí) lúc khoảng 3 giờ chiều thì quy tiên vì bệnh gan vừa đúng tròn 40 năm sau ngày cụ bà chánh thất qua đời hưởng dương 76 tuổi tại xã Chánh Hiệp tỉnh Sông Bé.

Như vậy trải qua bao nhiêu biến chuyển của cuộc sống, phải chăng hương hồn cụ đã bằng lòng nhắm mắt tại địa danh nơi trước kia cụ đã chọn nó làm nơi lập nghiệp ?

Cụ Thiên Lương bắt đầu nghiên cứu Tử Vi năm 18 tuổi nhưng bao phen chán nản bỏ cuộc và không tin môn cổ học này, nhưng rốt cuộc cụ quay lại với nó và thành công rực rỡ.

Trước năm 1970 cụ chỉ nghiên cứu và chỉ dạy cho con cái và cùng một ít bạn bè thân thuộc nên ít ai biết đến. Từ năm 1970 về sau vì theo sự yêu cầu của

con cái và nhất là của cố ký giả lão thành Trần Việt Sơn nên cụ đã đồng ý cho phổ biến trên tờ Khoa Học Huyền Bí những tài liệu do cụ đã nghiên cứu và khám phá và bút hiệu Thiên Lương được khai sinh từ đó. Đến mùa xuân năm 1974 cụ cho xuất bản quyển sách tử vi đầu tay mang tựa : “ Tử Vi Nghiệm Lý “ và đã bán sạch hết trong vòng 03 tháng. Cụ hy vọng vài năm sau sẽ cho tiếp quyển “Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư “ nhưng hoài vọng của cụ đã không thành vì Cộng Sản đã xâm chiếm Miền Nam Việt Nam. Tất cả bài vở cùng tài liệu của cụ đã được gởi ra hải ngoại cho con trai thứ trước ngày cụ sắp sửa quy tiên.

Cụ Thiên Lương chủ trương môn tử vi nghiệm lý có nghĩa là những khám phá mới của cụ, muốn cho các độc giả nghiên cứu chiêm nghiệm với thời gian để ứng xem đúng hay sai, chứ cụ không đã phá, phê bình hay bút chiến với bất cứ ai và cụ luôn luôn giữ chế độ im lặng mỗi khi có ai phê bình hay hoặc dở về các khám phá mới của cụ được phổ biến (1) ngoài ra cụ cũng căn dặn con cái và các môn sinh đừng bao giờ dùng môn tử vi để kiếm tiền hoặc dùng “cần câu cơm” và chỉ được tạm hành nghề khi tuổi ngoài 60 và không có ai nương tựa nhưng chỉ đủ sống độ nhật mà thôi

(1) Năm 1974 trong cuốn Tử Vi Tổng Hợp của Nguyễn Phát Lộc có một vài đoạn phê bình và chỉ trích những kinh nghiệm của cụ trong bài nói về tam hợp tuổi và Lộc Tồn

Phải công tâm mà nói rằng quyển Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư ra đời là kết quả của một quá trình nghiên cứu lâu dài của cụ trải qua nhiều triều đại chính trị, nhiều thăng trầm của cuộc đời, của quốc gia xã hội.

Với quyển Tử Vi Nghiệm Lý, người hâm mộ tử vi đã say sưa với vòng Thái Tuế, với cơ cấu của ba tính lý thành văn : thiên thời, nhân hòa và địa lợi, với vòng Lộc Tồn, cái vòng phú quý vinh hoa của cuộc đời.

Với quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư này, chắc chắn rằng quý vị cũng sẽ say sưa với những lý giải thâm sâu, với lối hành văn tuy cô đọng nhưng bóng bẩy, ví von, với những tiết mục nói về nhân quả luân hồi, về hai chữ tài thọ, về đào hồng, về tam hóa liên châu, về oan trái nghiệp quả của Hình Riêu Không Kiếp và vòng tràng sinh mà đã một thời các nhà hám mộ tử vi ở hải ngoại tranh luận kịch liệt qua hội thảo và trên mặt báo chí Trắng Đen, Hồn Việt, Tập San Nghiên Cứu Tử Vi... Chắc quý vị sẽ thích thú khi tìm thấy những phát kiến mới khác nơi những bài của cụ, về những cơ cấu chặt chẽ liên hệ của tinh đầu hình hại, tinh đầu đối cung và tinh đầu nhị hiệp. Chúng ta sẽ thấy rõ hơn về cái bản thể của mỗi người. Thấy rõ khoa tử vi không phải là một khoa huyền bí mà là một khoa có bố cục tinh vi, linh hoạt, không tà thuật, mê hoặc.

Trong tinh thần tiếp nối truyền thống nghiên cứu, chúng tôi thay mặt Hội Nghiên Cứu Tử Vi & Lý Số xin trân trọng giới thiệu đến quý vị cuốn Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư

Fullerton, California ngày 15 - 08 - 1985

NGUYỄN XUÂN QUANG

Tổng thư ký

Hội Nghiên Cứu Tử Vi và Lý Số

NGUYÊN LÝ CỦA 60 HOA GIÁP

Mọi sinh vật sống trong vũ trụ đã được phân định theo luật âm dương. Cây cỏ cũng có hoa đực và hoa cái, côn trùng con kiến cũng có con cái và con đực, cho đến các vật dụng hàng ngày hầu như cũng dị biệt giữa đực và cái. Luật âm dương chi phối vũ trụ mọi sự sinh hoạt. Không gian đã có thiên thì phải có địa. Thời gian càng chịu ảnh hưởng nhiều hơn.

Đã có mùa đông giá lạnh, phải có mùa hạ nóng hằm, mùa xuân ấm tươi phải có mùa thu dịu mát.

Âm dương là tinh thần, phần vật chất là ngũ hành. Thiên can là dương, địa chi là âm. Thiên can có ngũ hành của Can. Địa chi có ngũ hành của Chi. Ngũ hành của Can có cái dương và cái âm. Địa chi cũng vậy. Âm dương ngũ hành của Can có 10 chữ rất rành mạch. Nhưng Địa chi sao lại 12 thấy trội dư hai cái Thổ (một dương và một âm).

Thấy rằng thời gian của 4 thời tiết từ cái xanh tươi (xuân) đến nắng gắt (hạ) lần theo mát dịu (thu) kế tiếp lạnh lẽo (đông) rồi lại nổi đến xanh tươi (xuân)... Thời gian cứ quanh quẩn như thế phải trên 365 khoảng ánh sáng mặt trời đồng thời gian đêm tối.

Căn cứ theo đó là một năm có 365 ngày trung bình. Khoảng thời gian này cứ cách hai lần lại phải điều chỉnh thêm chút ít cho đúng như thời tiết luân lưu. Đó là năm nhuận dầu rằng âm lịch hay dương lịch cũng vậy (1). Một đằng tính 29 hay 30 ngày làm một tháng (âm lịch). một đằng tính 30 hay 31 ngày làm một tháng (trừ tháng 2 có 28 ngày) thì đến năm nhuận. Một đằng lấy thêm 1 tháng, một đằng lấy thêm 1 ngày cho vào tháng 2 là 29 ngày.

Khoảng 365 ngày căn cứ theo 4 mùa, nếu cũng lấy 10 địa chi như bên can thì chia nó lệch lạc. Phải lấy thêm hai cái Thổ để ấn định thêm 2 tháng, mỗi tháng khoảng chừng 30 ngày, tức mỗi mùa 3 tháng tròn. Cứ như thế luân lưu lấy 4 mùa làm một khoảng thời gian chủ đích của một năm.

Đáng lý 10 can ghép với 12 chi sẽ thành 120. Nhưng xếp dương đứng với dương, âm đứng với âm (can và chi) nên chỉ còn số 60 gọi là 60 hoa giáp

Nhìn vào 60 hoa giáp từ Giáp Tí đến Quý Hợi. Hai chữ Can Chi đứng chung với nhau không khác gì một tiểu gia đình. Can đứng trên làm gốc (chồng) chi tiếp theo là phụ (vợ). Biết rằng mỗi Can hay Chi đều có một tính chất riêng biệt là ngũ hành. Gia đình nào phu thê đầm ấm, sự nghiệp dầu lớn hay nhỏ hẳn là bước đường đời phải có sự tươi đẹp tương đối hơn ai. Trái

ngược vợ chồng xung khắc, ngày tháng trôi nổi trống đánh xuôi kèn thổi ngược, tương sự bất hạnh phải lâu nhiều hơn người.

Năm tuổi căn cứ vào Can và Chi. Từ Giáp đến Quý (Can) vào với Tí đến Hợi (Chi) hẳn có sự luân phiên thay đổi, những thay đổi tốt hay xấu phải phân tích cho ra nguyên lý và cũng là nguyên ý của Phục Hi âm thầm chỉ dẫn kín đáo.

Theo luật ngũ hành cái gì tương sinh là tốt, tương khắc là xấu. Vậy có thể hoạch phát một nguyên tắc như :

- a) Tốt nhất : Can sinh Chi (Ví dụ tuổi Giáp Ngọ, Can Giáp (Mộc) sinh Chi Ngọ (Hỏa)**
- b) Tốt thứ nhì : Can và Chi đồng hành (Ví dụ tuổi Giáp Dần, cả hai đều là Mộc)**
- c) Tốt thứ ba : Chi sinh Can (Ví dụ tuổi Giáp Tí, Chi Tí (Thủy) sinh can Giáp (Mộc)**
- d) Xấu tương đối : Can khắc Chi (Ví dụ tuổi Giáp Thìn, can Giáp (Mộc) khắc Chi Thìn (Thổ)**
- e) Nghịch cảnh : Chi khắc Can (Ví dụ tuổi Giáp Thân, Chi Thân (Kim) khắc Can Giáp (Mộc)**

Năm trường hợp này chỉ là tấm ảnh thu hình rất nhỏ của kiếp nhân sinh. Sự hên xui đã ấn định như thế đó, còn tùy định mệnh phác họa hạnh phúc (vòng Lộc Tồn), tùy vị trí an Mệnh Thân (Vòng Thái Tuế bổ khuyết tư thế) nhất là Thân (chính đương số với vòng trường sinh) đã khuôn xử làm được những gì để mua chuộc.

Như tuổi Ất Mùi, Mệnh ở Mùi (Thái Tuế) Thân ở Di (Tuế Phá). Biết chữ Ất Mộc khắc chữ Mùi (Thổ) ở đời tất nhiên gặp nhiều bước khó khăn. Nhưng Hợi Mão Mùi là 3 tuổi được hưởng hạnh phúc (Lộc Tồn của tuổi Ất) Thân ở Di (nghịch cảnh) là cung Sửu có lấp được THỌ cho phụ mẫu, thì định mệnh mới ngăn cản được phần nào, nhiều hay ít do chữ Tài được Mệnh điều động đến ách cung

Tóm lại vận hạn của từng cá nhân, nguyên lý là do thời tiết. Đã có cái nóng phải có cái lạnh, đã có xanh

tươi phải có vàng héo từng năm xuống đến tháng ngày giờ, sinh thì đắc cách, khắc thì tai ương, phần chính yếu là ở cái gốc (hàng Can). Gốc được tươi bốn hợp thời, cây được xanh tốt, gốc mà bị chặt cắt, dầu cây đương có nhiều hoa nụ tươi thắm, cũng phải úa vàng héo gục

(1) *âm lịch thì cách hai năm có một năm
nhuận, dương lịch thì ba năm*

Ý NGHĨA MỖI NĂM TRONG 60 HOA GIÁP

60 hoa giáp là 60 năm của 6 con giáp (Giáp Tí Tuất Thân Ngọ Thìn Dần) nối tiếp nhau diễn chuyển bắt đầu từ Giáp Tí đến Quý Hợi. Mỗi năm mang một tên có hai chữ. Chữ trên thuộc hàng Can, chữ dưới thuộc hàng Chi. Hai chữ hợp lại gọi là nạp âm có một hàng chung khác hẳn, mặc dầu Can và Chi mỗi chữ có một hành riêng biệt

Can có 10 chữ phân chia rành rẽ âm dương và đầy đủ ngũ hành đều nhau :

Sơ khai Mộc : Giáp (dương) Ất (âm)

Hỏa : Bình “ Đinh “

Thổ : Mậu “ Kỷ “

Kim : Canh “ Tân “

Thủy : Nhâm “ Quý “

Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy

Trái lại hàng Chi có 12 chữ cũng đầy đủ âm dương ngũ hành

Thủy : Tí (dương) Hợi (âm)

Mộc : Dần “ Mão “

Hỏa : Ngọ “ Tỵ “

Kim : Thân “ Dậu “

Thổ : Thìn Tuất” Sửu Mùi “

Cái lý dư 2 hành Thổ có ý từ trong vũ trụ bất cứ hành gì dầu là Kim hay Mộc, Thủy hay Hỏa đều từ ở trong đất mà ra. Bốn hành này luôn luôn xung khắc để

trường tồn, bởi thế mới có liên minh tam hợp cục là thế đứng của tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu) để bồi đắp cho nhau củng cố ưu thế

Vậy 12 Chi có 4 chính 4 sinh và 4 mộ lập thành 4 tam hợp cục là 4 khối có tôn chỉ riêng

SINH	CHÍNH	MỘ	HÀNH
Thân	Tí	Thìn	Thủy
Dần	Ngọ	Tuất	Hỏa
Tỵ	Dậu	Sửu	Kim
Hợi	Mão	Mùi	Mộc

Một vòng của 10 Can tuần tự ghép với 12 Chi, mỗi năm thay đổi đáng lý là $10 \times 12 = 120$, nhưng vì luật âm dương nên chỉ có phân nửa nghĩa là dương. Can dương chỉ đứng với Chi dương, Can âm chỉ đứng với Chi âm mới đúng cách.

Đã viết cái nguyên do của 10 Can và 12 Chi, mỗi năm mang một cái tên có hai chữ kể từ Giáp Tí đến Ất Sửu lần hồi cuối cùng là Quý Hợi. Mỗi tên có một tôn chỉ riêng là hành chung, nhưng cái hành riêng của mỗi chữ Can hay Chi vẫn phải nhìn nhận là quan trọng.

Hai chữ Can và Chi đứng với nhau không khác gì tình cảnh một gia đình có hòa hợp mới nên sự nghiệp. Còn xung khắc làm sao có hưng vượng.

Như hai tuổi Canh Thân và Canh Dần cùng là Mộc mệnh, thật ra cảnh đề huề mỗi tuổi mỗi khác. Canh là Kim, Thân là kim, cũng như cây có gốc (Can) ngọn (Chi) đều nhau hẳn là có một căn bản vững chắc, dầu không hơn người cũng không hề kém ai. Còn Canh Dần thì Can Canh (Kim) khắc Chi Dần (Mộc). Cây có gốc không tài bồi cho ngọn làm sao mà sinh nở tốt đẹp cho nổi. Khác nào gia đình cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược.

Hai tuổi Giáp Tí và Giáp Ngọ thấy cả hai tuổi cùng tương sinh gốc ngọn. Nhưng Giáp Ngọ khác biệt bỏ xa Giáp Tí rất nhiều. Giáp Ngọ có Can Giáp (Mộc) sinh cho chi Ngọ (Hỏa) nghĩa là gốc nuôi ngọn là thuận

cảnh. Trái lại Giáp Tí thì Can Giáp (Mộc) được Chi Tí (Thủy) sinh lại tức là ngọn nuôi gốc tuy cũng là cảnh tượng sinh nhưng ngược chiều cho biết ngay Giáp Tí không có khả năng vững chắc mà sự đề huề chỉ là may mà có. Huống chi Giáp Ngọ còn tìm tòi căn phản phồn thịnh là tam hợp Lộc Tồn của tuổi Giáp (Lộc Tồn ở Dần) Thiên Lộc dành riêng cho người Dần Ngọ Tuất. Còn Giáp Tí đứng ngỗ ngoài, muốn hưởng Lộc Tồn phải là Canh Tí (Canh Kim sinh Tí Thủy và Thân Tí Thìn tam hợp hưởng Lộc Tồn tuổi Canh ở Thân).

Hai tuổi Giáp Thìn và Giáp Tuất là hai tuổi đều hàng Can Giáp (Mộc) khắc Chi Thìn Tuất (Thổ). Hai tuổi này cũng cách biệt nhau cả dặm đường : Giáp Tuất tuy Can khắc Chi, cuộc đời thấy nhiều trở lực, nhưng được phần chia sẻ Thiên Lộc tuổi Giáp. Giáp Thìn kể như là khách đi đường không liên quan gì đến, lại còn bị cảnh nghèo túng thường trực là Lộc Tồn đóng kín, chỉ còn trông cậy vào bộ sao Sát Phá Tham sống theo Hóa Lộc tay làm hàm nhai. Trường hợp tuổi Giáp Thìn

mệnh đóng ở vị trí tam hợp Hợi Mão Mùi đầu được bộ Sát Phá Tham làm nòng cốt cũng chỉ là kiếp nhân sinh được tạo hóa nặn ra để trả nợ đời, không mong gì sự nâng đỡ vì vị trí của Sát Phá Tham ở Hợi Mão Mùi, trường hợp nào cũng là đen tối, cố công xây đắp mấy cũng chỉ là hữu công vô lao (Vị trí Thiếu Âm Long Đức Trục Phù của tuổi Giáp Thìn)

Tóm lại tuổi của mỗi cá nhân có thể theo thứ tự tốt xấu có 5 bậc thang như sau :

- 1) CAN sinh CHI : Phúc đức quá lớn tiềm tàng một căn bản hơn người**
- 2) CAN CHI đều nhau : có năng lực khá đầy đủ vững chắc**
- 3) CHI sinh CAN : đời gặp may nhiều hơn thực lực**
- 4) CAN khắc CHI : đời gặp nhiều trở lực**
- 5) CHI khắc CAN : nghịch cảnh đầy rẫy chua cay**

Trương Lương Hàn Tín là hai bạn đồng triều phò trợ Hán Cao Tổ Lưu Bang lên nghiệp đế. Cả hai người cùng

tuổi Giáp.

Trương Lương tuổi Giáp Ngọ sinh ngày 6 tháng 5 giờ Thìn

Hàn Tín tuổi Giáp Tuất sinh ngày 5 tháng 11 giờ Ngọ

Cả hai người mệnh cùng đóng ở vị trí tam hợp Thái Tuế là người hành động nêu cao chánh nghĩa, cũng được bộ Tử Phủ Sát Phá Tham làm nòng cốt (đắc Khoa Quyền Lộc) cùng được hưởng Thiên Lộc ở ba tuổi Dần Ngọ Tuất. Nếu đem so tài thao lược Hàn Tín phải trên Trương Lương một hạng nên được Hán Cao Tổ phải lập đàn phong tướng, tự tay nâng ấn kiếm nguyên nhung trao cho Hàn Tín trước muôn thủ hạ cho có danh chánh ngôn thuận. Vậy mà cuộc đời Hàn Tín phải hứng chịu biết bao nhiêu thua thiệt kém Trương Lương.

Từ một kẻ thứ nhân nương nhờ cơm Phieu mẫu, có lần nhẩn nhục luồn trôn thất phu ở chợ, đành rằng đời vĩ nhân phải trải qua nhiều cơn bĩ cực chờ thiên thời mới rõ vàng thau.

Trương Lương thuộc dòng Khanh Sĩ gặp buổi vong quốc cũng phải lang thang nay đây mai đó tìm mặt gỏi vàng, đến đâu cũng được trọng đãi.

Phân tích những nét chính của hai lá số, trước nhất Trương Lương hơn Hàn Tín ở tuổi Giáp Ngọ được Can sinh Chi. Hàn Tín bị Can khắc Chi (Giáp Tuất). Trương Lương mệnh ở vị trí Quan Phù có ý tình toán kỹ càng dẫn dắt đời sống. Hàn Tín ở vị trí Bạch Hổ là một khi đã

làm việc thì bất cứ giá nào làm cho kỳ đắc ý (còn tham vọng). Phúc đức của Trương Lương có Tham Lang ở Thìn ngộ Tuần hòa hợp đủ nghĩa vời vị trí Mệnh. Quan Phù có thể từ bỏ mọi tham vọng để ngao du sơn thủy. Hàn Tín Phúc Thất Sát triều đầu bị cả Tuần lẫn Triệt. Phải chăng vì thế cuộc đời đi đến chỗ bi thương.

Ba tuổi Giáp được hưởng Lộc Tồn thì Giáp Ngọ đứng đầu vì Giáp sinh Ngọ, thứ đến Giáp Dần (Giáp và Dần đồng hành) đứng sau chót Giáp Tuất vì Giáp khắc Tuất. Trương Lương tuổi Giáp Ngọ đương nhiên được hưởng hạnh phúc nhiều hơn Hàn Tín tuổi Giáp Tuất.

Vậy tuổi mỗi cá nhân không phải là đương nhiên tuân tự sắp xếp không có nghĩa lý, thật ra tiềm tàng một ý tứ sâu sắc như diễn tả hình bóng của một cuộc đời.

Can là gốc là Phúc đức, Chi là ngọn là Thân thể. Hạn hành hên xui hàng năm xuống đến hàng tháng hàng ngày do Can của năm tháng ngày chế hóa với Can của Mệnh chế phần ưu tiên quan trọng điều khiển.

ĐÂU LÀ NGUYÊN LÝ NGŨ HÀNH NẠP ÂM CỦA 60 HOA GIÁP

**Nạp âm là phối hợp để thành một tiếng
Ngũ hành nạp âm là can và chi ghép lại hóa nên một hành khác**

Nạp âm ngũ hành của 60 hoa giáp là sự thành lập ngũ hành của 10 Thiên can phối hợp với 12 Địa chi theo nhạc điệu : Cung (Thổ) Thương (Kim) Giốc (Mộc) Chuỷ (Hoả) Vũ (Thủy). Nhưng vẫn thấy không cho phép tin tưởng đâu là chính lý hoàn hảo (1)

Hàng can đã trình bày ngũ hành được rành mạch đều đặn bằng 5 cặp phân tích âm dương chính xác. Đến hàng chi để cho đúng thời tiết phải thêm hai hành Thổ làm cái móc nối tiếp cho 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông để cho mỗi mùa tương đối xê xích 3 tháng trên dưới 90 ngày, cứ Dần Mão là Xuân, Tỵ Ngọ là Hạ, Thân Dậu là Thu, Hợi Tí là Đông

Lấy tĩnh tâm mà ngắm kỹ bản địa bàn tử vi thì thấy cả 1 thế thái cực vững vàng căn phân đủ thời tiết đến phương hướng hoàn hảo trúng cách. Thế thái cực gồm đủ lưỡng nghi tương phân, từ Mão đến Thân thuộc Thái Dương và từ Dậu đến Dần thuộc Thái Âm như hai đĩa ngang bằng sánh đôi. Về hình thức thật là bằng nhau, nhưng tính cách lại khác biệt. Một đằng thuộc Thái Dương sáng lạnh bao nhiêu, trái lại bên âm tăm tối bấy nhiêu như trắng với đen. Một bên gồm Hỏa (Ngọ) với

Kim (Thân) . Bên kia có Thủy (Tí) với Mộc (Dần) . Hai điểm Thìn Tuất là 2 thế giao điểm phát nguồn (Thiếu dương và Thiếu âm) . Bên này có Thủy khắc Hoả thì bên kia có Kim khắc Mộc

Như vậy có 3 cặp tương xứng đối diện nhau nên được đặt làm 3 mốc chính để bắt đầu xếp nạp âm định lý ngũ hành cho một hoa giáp

Nhưng tại sao Giáp Tí lại gọi là Kim hành, Giáp Tuất là Hoả và Giáp Dần là Thủy ? Biết rằng Giáp là Mộc, Tí là Thủy, 2 chữ đứng chụm với nhau lại là Kim, thấy như không có mạch lạc gì giữa nạp âm và Can Chi. Như hai chữ Tân Dậu cả hai Can Chi đều là Kim mà hành chung lại là Mộc, thật là cả một cảnh lạc lõng khác thường

Đây là một định lý, có thể nói là rất cao siêu của lý học. Hành Hỏa là tư thế sự vật bùng cháy bốc lên tượng trưng cho THIÊN. Thủy là sự vật thâm nhập lắng xuống biểu hiện cho ĐỊA. Còn Kim là tư thế của sự vật quyết liệt để trường tồn là NHÂN. Ba hành này biểu hiện cho tam tài THIÊN ĐỊA NHÂN, có ý nghĩa là 60 hoa giáp do 3 cấp Trời Đất và Người hiệp định xây dựng. Và chỉ 3 hành này được bắt đầu hướng đi như :



Trong 12 chi có 6 Chi dương ghép với 5 Can dương và 6 Chi âm ghép với 5 Can âm, làm sao mỗi Chi đúng với một Can có một hành riêng tức là 5 Can có đủ ngũ hành như :

Giáp Tí : Kim

Bính Tí : Thủy

Mậu Tí : Hỏa

Canh Tí : Thổ

Nhâm Tí : Mộc

Ất Dậu : Thủy

Đinh Dậu : Hỏa

Kỷ Dậu : Thổ

Tân Dậu : Mộc

Quý Dậu : Kim

Bên Thái âm (Giáp Tí, Giáp Tuất, Giáp Dần) cũng như bên Thái dương (Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn), đều có ý nghĩa của sự sắp xếp như :

- 1) Giáp Tuất và Giáp Thìn thuộc Hỏa là thiên mệnh có ý định rắn trướng tìm tàng ở trong khối toả ra hai đầu : Kim khắc Mộc và Thổ khắc Thủy**
- 2) Giáp Dần và Giáp Thân thuộc Thủy là Địa mẫu. Có ý định nuôi dưỡng dịu hiền nên Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ tuần tự phát huy**
- 3) Giáp Tí và Giáp Ngọ thuộc Kim là ý định của nhân sinh ẩn tàng trong nội tâm lòng ham muốn sinh tồn nên ở giữa vượt ra Thổ sinh Kim và Mộc sinh Hỏa**

Người tuổi Canh Tuất mệnh thân đồng cung Thìn thấy ngay người sống trong nội tâm bất đắc chí, được hành nạp âm của mệnh là Kim bồi thêm Kim cục thuận đường đi nước bước. Vũ Khúc và Thiên Mã là nghị lực (Kim) chính xác của đương nhân, mặc dầu sự tranh đua không được phần chính nghĩa (Thái Tuế ở Di) mà vẫn thành công dễ dàng vì vị trí Thân Tí Thìn khắc được Dần Ngọ Tuất phù hợp với hai chữ Canh Tuất (Tuất sinh Canh) đường đời dễ gặp nhau. Dầu sao cũng là hoàn cảnh không cho phép đắc ý (Tuế Phá) với khả năng có thừa

Âm dương ngũ hành là then chốt của lý học. Mọi sự huyền diệu không ngoài giao dịch động hay tĩnh của ngũ hành và luật lệ âm dương, cũng là khả năng vô địch của tam tài Thiên Địa Nhân

(1) Theo nhạc điệu quy định, mỗi hành có cách 8 cung có một lần sanh hay chuyển (có hai lần sanh thì có một lần chuyển) bắt đầu từ Kim (Giáp Tí và Giáp Ngọ, một bên âm và một bên dương) chuyển đến Hỏa (Mậu Tí và Mậu Ngọ) đến Mộc (Nhâm Tí và Nhâm Ngọ)

đến Thuỷ (Bính Tí và Bính Ngọ) cuối cùng đến Thổ

(Canh Tí và Canh Ngọ)

NHỮNG CÂU PHÚ NÊN THẬN TRỌNG ÁP DỤNG

Những câu phú là những câu văn vần do cổ nhân ghi chép lại, sau một thời gian qua kinh nghiệm về kết quả cũng như sự phối hợp của các hành tinh mà gây nên ảnh hưởng. Sở dĩ làm thành văn vần như có ý định : trước mắt là dễ nhớ, sau là để cho người đi sau lấy đó mà tìm kiếm thêm nếu còn những khía cạnh nào chưa được hoàn hảo hay sơ sót trên phương diện nào.

Đọc những câu phú, ngày nay thấy như là những câu sấm ký truyền lại của những trí nhân, nó mệnh mông trên phương diện tổng quát không quyết định hẳn cho một trường hợp nào. Như câu : “ Trai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất. Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân “. Có phải bất cứ mệnh nào nằm ở Thìn Tuất mà có Phá Quân là trai bất nhân và Tham Lang Thất Sát ở Dần Thân là gái bạc tình ?

Số có 60 tuổi , mỗi tuổi có một hành, tuy nói là ngũ hành, nhưng khác nhau rất nhiều như hai người cùng tuổi Kim, Giáp Tí và Giáp Ngọ. Một đằng Tí sinh Giáp khác với Giáp sinh Ngọ. Căn bản Giáp Ngọ ở đây chắc, trái với Giáp Tí chủ nông cạn. Hướng chỉ còn 12 vị trí, mỗi vị trí đối với tuổi của đương nhân nó chỉ một tư thế khá đặc biệt

Biết rằng mỗi tam hợp có 3 vị trí dùng thế chân vạc làm gốc riêng của 4 cách : Thái Tuế, Tuế Phá, Thiếu dương và Thiếu âm. Thái Tuế chia ra Thái Tuế chính xác, Quan Phù và Bạch Hổ. Tuế Phá bao gồm Tuế Phá Tang Môn và Điều Khách. Thiếu Dương có Tử Phù và Phúc Đức. Thiếu Âm có chi nhánh Long Đức và Trục Phù. Thiết tưởng mỗi tư cách của mỗi sao ghép vào 60 tuổi đã cho ra một hình thái khá rành rẽ khác nhau, lại

được lọc thêm qua 12 vị trí thì kết quả phải là tinh vi đến thế nào

Dưới phép toán 60×12 thấy có 720 màu sắc dị biệt thì Phá Quân Tham Lang và Thất Sát kia hẳn phải có những cuộc lột xác nhiều thay đổi.

Riêng đối với phái nữ Sát Phá Tham thật ra không hợp điệu của phe liễu yếu đào tơ, là người tháo vát đảm đang gan góc cũng phải tùy cách khía cạnh mới dám quyết định đâu là đoạn chính, đâu là lãng loạn. Muốn hợp cách chỉ có Đồng Lương, Tử Phủ bồi đắp thêm Hóa Khoan càng thêm khả ái.

Cổ nhân đã mất công ghi chép lại những câu phú phải nói rằng bậc trí tuệ có thừa, biết rằng công cuộc về tinh thần không phải một thế hệ là hoàn hảo. Cần phải bao thế hệ nối bước may ra mới xây đắp được một quãng đường dài thám hiểm. Lại còn e dè những ai đã lầm đường lạc lối dấn vào ngõ bí vì tam sao thất bản.

Dịch học thời Phục Hi (2900 trước dương lịch) mãi mãi đến đời Khổng Khâu (600 trước dương lịch) mới được gọi là san định phần khởi sắc....Thời gian hiện nay nhờ khoa học tiến bộ, mỗi ngành từ vật chất đến tinh thần đều không thể khai thác trong u minh, đều phải phân tích cho hợp lý, tránh sao không còn tồn tại lời mĩa mai : dị đoan huyền bí.

Thử lấy 4 tuổi : Giáp Dần, Đinh Tỵ, Ất Mùi và Bình Tí, cung mệnh cùng đóng ở cung Tuất có Phá Quân tọa thủ, xem đâu là chính cống Phá Quân giống như Phú đã nêu ra, đâu là nổi tình uẩn khúc bị người đời ngờ vực oan

a) Giáp Dần là tuổi có một căn bản vững vàng (Giáp và Dần đều thuộc Mộc). Mệnh đóng ở Tuất trong tam hợp Thái tuế, vị trí Bạch Hổ là kiếp nhân sinh đã có một trách vụ gì đối với xã hội, thực hiện với bất cứ giá nào, mặc dầu mệnh Thủy chính xác Phá Quân. Người này làm việc có tính cách mạnh bạo bị lầm tưởng mà thôi. Bất nhân không thể là người Thái Tuế

b) Tuổi Đinh Tỵ cũng như Giáp Dần, Thiên Phủ có một căn bản vững chắc. Mệnh ở Tuất là tứ thế Tử Phủ trong tam hợp Thiếu Dương. Người khôn ngoan Thổ mệnh khắc hẳn Phá Quân là Thủy, có những hành động khéo giỏi không thể nói là bất nghĩa

c) Ất Mùi Kim mệnh đóng ở Tuất là vị trí Thiếu Âm. Người này vì quá tin tưởng lại vụng tính nên có những hành động Phá Quân (Kim mệnh sinh Thủy Phá Quân). Sự lỗi lầm này kể cũng đáng thương hại

Bính Tí đời đầy rẫy nghịch cảnh (Tí khắc Bính) ở vị trí Điều Khách trong tam hợp Tuế Phá, luân phiên bất đắc ý, gặp Phá Quân đồng hành Thủy với mệnh làm gì mà không tung hoành cho thỏa chí thay đổi (Điều Khách) , nhãn hiệu Phá Quân quả là chánh hiệu

Những trường hợp trên cũng nên khai thác thêm hiệu lực của Hóa Khoa, có thể coi như một căn phòng bao che để hoán cải : từ các vị độc dược trở thành vị thuốc rất hiệu lực bồi bổ sức khỏe. Bộ Sát Phá Tham nói chung, hãm địa nói riêng, gặp Hóa Khoa như phe Triệt giáo (súc vật tu thành tiên) được đắc đạo. Hóa Khoa có một khả năng lột xác phàm phu hoán cải tư cách tức là trường hợp hung tinh ngộ chế. Từ Phá Quân đến Tham Lang, Thất Sát trở thành những hiền nhân hiệp khách treo cao phẩm giá.

Đối với Nhật Nguyệt Đồng Lương đắc Hóa Khoa nêu danh thành tích đặc hạng của một chuyên khoa, chỉ rõ thượng thặng siêu ngành riêng biệt

Sát Phá Tham gặp Tuần Triệt cũng mất hẳn tính cách hung hãn nhưng không còn gì (Triệt) hay giảm hẳn tốc lực (Tuần) của bộ máy tinh vi thực hành đắc dụng

**NHỮNG SAO LỘC, NHẤT LÀ LỘC TỒN
BAN PHÁT RA
NÊN RẤT CHẶT CHẼ**

Người đời sống trên thế tục, không ai là không cần đến Lộc. Từ bậc trượng phu đến người dân đều nhờ Lộc mà sống, tuy rằng cách sống khác nhau. Với danh xưng hiệp khách trọng nghĩa khinh tài cũng vẫn là cách sống trong khuôn khổ sử dụng Lộc. Vậy có phải Lộc là vấn đề quan hệ tối cần nên đầu số mới phân tách chữ Lộc thành nhiều phẩm chất như : Lộc Tồn, Hóa Lộc, Thiên Trù và Lưu niên văn tinh. Bốn thứ Lộc này đều do hàng Can sắp đặt.

Hóa Lộc được hàng Can ghi rõ tư cách riêng của hạng người mới có thể thực thi được khả năng thu lộc như tuổi Giáp phải là người miệng nói tay làm (Sát Phá Tham), tuổi Ất cho người điềm đạm suy tính kỹ lưỡng (Cơ Lương)

Thiên Trù cũng là một thứ Lộc do công tích lũy tiền nhân đã tiêu hao lần hồi đến đời đương số chỉ còn hơn ai chén cơm manh áo chỉ định cho người thọ hưởng. Còn Lưu niên văn tinh là anh em với Lộc tồn kết nghĩa.

Ngắm nhìn bảng vị trí của đôi huynh đệ nhà Lộc này thấy rõ chỗ y nhau. Nhưng sự ứng dụng lại rất khác nhau, không ngoài trọng ý bù trừ sơ sót cho nhau

Tuổi Giáp Lộc ở Dần, Ất ở Mão, Bính Mậu tại Tỵ, Đinh Kỷ tại Ngọ, Canh ở Thân, Tân ở Dậu, Nhâm tại Hợi, Quý tại Tí là những vị trí rất chính xác hợp thành. Quy luật âm dương chỉ còn có 4 là Giáp Ất Canh Tân lọt vào vòng chung kết. Còn phải lược thêm một lần nữa nghĩa là những tuổi nào đúng ở tam hợp Lộc Tồn mới hẳn lãnh phần trọn vẹn

Lưu niên văn tinh cũng ngồi ở 8 vị trí đó nhưng trình bày có hơi khác là Giáp ở Tỵ, Ất ở Ngọ, Bính Mậu ở Thân, Đinh Kỷ ở Dậu, Canh ở Hợi, Tân ở Tí, Nhâm ở Dần và Quý ở Mão tức là 6 tuổi bị loại ở vòng Lộc Tồn vì quy luật âm dương lại được phục hồi đến bù trúng cách ở bên Lưu niên văn tinh. Còn 4 tuổi được dự chung kết bên kia đều bị loại ngay ở vòng đầu bên này

Tư thế cách biệt giữa Lộc Tồn và Lưu Niên Văn Tinh là Lộc Tồn đứng ở thế chính cách hợp thành với tuổi ở vị trí. Trái lại Lưu Niên Văn Tinh đứng ở thế khó nhọc là tuổi sinh xuất cho cung như có nghĩa là thân phận người nghĩa đệ phải chịu đựng nhọc công cho xứng với cơm ăn áo mặc thọ lãnh : Giáp Ất sinh xuất cho Tỵ Ngọ. Bính Mậu Đinh Kỷ sinh xuất cho Thân Dậu. Canh Tân sinh xuất cho Hợi Tí và Nhâm Quý sinh xuất cho Dần Mão

Lộc Tồn thứ Lộc cao quý trong tất cả các Lộc được bọc gói kỹ trong một cái bao Bác Sĩ, Lục sĩ, Thanh long..Quan Phủ có giây cột Kinh Đà, đương nhân tùy theo hoàn cảnh tự suy tính phận mình trước khi mở dây cởi trói theo bản đồ 12 sao chỉ đường mở lối mà khai thác. Ngoài những khó khăn về luật âm dương và vị trí. Lộc Tồn còn được bảo vệ đến mức tối đa bằng hai đao phủ Lưu Hà, Kiếp sát đối phó với thành phần vô kỷ luật không phải chính chủ nhân có đầy đủ văn kiện chứng minh hợp lệ. Hà Sát trình Thiên Sứ lấy pháp lệnh sau khi Thiên Không phúc trình trường hợp vi phạm rõ rệt như : tuổi Mậu Thìn mệnh ở Sửu, vị trí Phúc đức trong tam hợp Thiếu dương Đào hoa là người thông minh có thừa, chứa chất đầy tham vọng. Tưởng rằng Phúc đức ở mệnh có dư. Lộc tồn cung quan hãm là nắm chắc trong tay. Biết đâu Lộc phùng không ở trong còn Hà Sát sẵn sàng thi hành sứ mạng. Phải chăng là trường hợp cuối cùng bảo vệ Lộc Tồn bằng đường lối ác liệt để ban phát đúng đắn chặt chẽ

Phân tích : Tuổi Giáp Dần, mệnh ở Dần trâu tóm cả ba vòng Lộc Tồn, Thái Tuế, Trường sinh, một đời nắm chắc hạnh phúc. Một khi nhích lên một bước (Mệnh ở Mão) vẫn là người có văn kiện thọ lãnh Lộc Tồn... thành ra người lãnh ngân phiếu bảo vệ số tiền mang về phân phối cho người khác. Bước thêm bước nữa (ở Thìn) vị trí Thanh Long của bộ 3 Phi Liêm Phục Binh. Sự may mắn nằm chung với Tang Môn (Thái Tuế) chỉ đeo thêm buồn lo thất vọng với danh nghĩa hào phú. Ngồi

vào ghế Tiểu Hạo cũng là Thiếu âm (Thái Tuế) bề ngoài vẫn vui tươi, sự thật tiếng có nhà không vì quá tin lầm lẫn

Nếu là người Giáp Tí, mệnh đóng ở Tí đắc cách hai vòng Thái tuế và Trường sinh. Vị trí Phục Bình Thanh Long Phi Liêm tam hợp. Người Thái tuế xây dựng sự nghiệp trong một dịp may (Tí sinh Giáp gặp Thanh Long). Lộc tồn ban phát cho dòng họ (Phúc đức) chính bản thân không là bao. Trường hợp Sát Phá Tham thủ mệnh được Hóa Lộc bù đắp rất nhiều. Cung Nô được Thiên Trù tha hồ chén chú, chén anh. Ngày đêm réo rắt những câu văn thơ cảm tú văn thơ Lý Bạch. (Lưu Niên Văn Tinh và Thiên Trù cùng ở Tỵ cung)

Điển hình tuổi Nhâm Ngọ sanh ngày 19 tháng 6 giờ Dần, mệnh Trực Phù thân Thiếu Âm được Thái Âm đắc thủ cho mệnh Mộc, nhưng không đắc cách cho dương Mệnh. Thái Dương Thiên Lương thủ Thân đắc cách nhưng không đắc vị, tuy rằng Hồng Loan vẫn tô điểm cho bộ Nhật Nguyệt rực rỡ. Tả Hữu Hóa Khoa cho thấy một thành công chuyên ngành cao đẹp. Không Kiếp khiến đời bạc bẽo ở vị trí Thiếu Âm đáng tiếc. Hóa Lộc ở cung Quan cũng là Thân thế, đồng tiền thân xuất như thủy triều (Không Kiếp). Lộc Tồn ở Di cũng bị mệnh này đoạt được (Tỵ Dậu Sửu khắc Hợi Mão Mùi) tiếc rằng vị trí Phi Liêm với Phục Bình, mặc dầu Thanh Long vẫn là dịp hên chưa đến.

Hóa Lộc là diện cơ kinh tài thường đứng chung với Hóa Quyền (chỉ trừ hai tuổi Mậu và Nhâm không bao giờ có. Tuổi Canh Lộc Quyền Khoa liên châu cao quý trên một khía cạnh. Tuổi Quý cũng một liên châu mà cầm hờn với Khoa Kỵ Quyền). Mỗi khi thiên thời đắc vận như gấm thiêu hoa, nhưng khi vận hảm, chính Hóa Quyền lại là ống máng đưa Lộc chạy mau xuống dốc.

DANH DỰ CỦA LONG PHƯỢNG TẢ HỮU XƯƠNG KHÚC

Mười bốn chính tinh dàn trên mặt địa bàn giao nhau bằng 4 khuôn mặt, phân tích kỹ lưỡng chỉ là thế cờ lưỡng nghi đối chọi ghìm nhau (nhân hòa) đường đi nước bước biến chuyển từ không gian (địa lợi) đến thời gian (thiên thời)

Tử Phủ Vũ Tướng nghiêm chỉnh phương phi có lúc phải đổi thành hắc diện. Sát Phá Liêm Tham oai hùng lẫm liệt. Mặt trăng thư sinh Cơ Nguyệt Đồng Lương ôn nhu mềm dẻo nhiều khi cũng hóa trang ra Cự Nhật nói năng cứng rắn. Chiến lược luân phiên tùy cơ ứng phó. Cuộc đời xen kẽ từng đoạn cát hung. Chình tinh chỉ là hội chủ liên minh chiến tuyến. Sự kết thúc oan hay ưng, chánh danh hay phản nghịch phải nhờ ở chân tay kiệt sĩ nêu cao nghĩa cả và các bộ trung tinh.

Một Lưu Bang không thể trở thành Cao Tổ nhà Hán nếu không có Trương Lương, Hàn Tín, Tiêu Hà. Một Lê Lợi khó thành Thái Tổ triều đại nhà Lê trường hợp vắng bóng Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo. Long Phượng là một bộ trung tinh đem lại chánh danh thuận lý, lá cờ của Thái Tuế ngôi vị may nhiều hơn rủi.

Tả Hữu chánh danh là khả năng đặc sắc hơn người, tốt hay xấu tùy liên kết hợp tác như : Long Phượng Tả Hữu là chính nhân vạn năng, nhưng Long Phượng Tả Hữu Không Kiếp lại là chính nhân hữu tài mà không đắc dụng. Tuế Phá Tả Hữu là người thất chí, tài ba hơn người khắc hẳn Tuế Phá Tả Hữu Không Kiếp kẻ bất lương nhiều thủ đoạn.

Xương Khúc chủ văn chương mỹ thuật là bộ văn tinh cốt cách thư sinh hiếu học, dụng nhằm Sát Phá Tham là tối kỵ không chứng nọ cũng tạt kia, bồi thêm sát tinh kể như tuổi thọ chiết giảm một khi đắc ý hãnh diện với đời. Cao đẹp khi xây dựng với Tử Phủ Vũ Tướng rạng danh văn võ toàn tài, phối hợp với Cơ Nguyệt Đồng Lương là minh chủ tương đắc đồng tâm nhất trí.

Bốn yếu tố của số là năm tháng ngày giờ. Ba bộ Long Phượng, Tả Hữu, Xương Khúc đặt ảnh hưởng ngay

**ở 3 yếu tố quan trọng là năm tháng và giờ, chỉ chưa
yếu tố ngày quan trọng dành cho chính tinh**



(HẾT TẬP 1)